Chi tiết mã HS 8709.11.00

Mã HS	8709.11.00
Mô tả hàng hóa	Xe vận chuyển, loại tự hành, không lắp kèm thiết bị nâng hạ hoặc cặp giữ, thuộc loại dùng trong nhà máy, kho hàng, bến cảng hoặc sân bay để vận chuyển hàng hóa trong phạm vi hẹp; xe kéo loại sử dụng trong sân ga, ke ga đường sắt (*); bộ phận của các loại xe kể trên / - Xe: / - - Loại chạy điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 00:51:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87091100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17583
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17583
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17583
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,3	0,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,3	0,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16898
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16827
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16827
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16827
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16827
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16827
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16827
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E16883
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F16883
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G16883
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H16883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I16883
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J16883
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16884
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16884
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16884
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16884
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16884
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16884
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F16889
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16844
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F16841
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G16841
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H16841
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I16841
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J16841
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K16841
VKFTA	2022	2022	0	VK!E16887
VKFTA	2023	2023	0	VK!F16887
VKFTA	2024	2024	0	VK!G16887
VKFTA	2025	2025	0	VK!H16887
VKFTA	2026	2026	0	VK!I16887
VKFTA	2027	2027	0	VK!J16887
VCFTA	2022	2022	3	VC!D16949
VCFTA	2023	2023	3	VC!E16949
VCFTA	2024	2024	0	VC!F16949
VCFTA	2025	2025	0	VC!G16949

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H16949
VCFTA	2027	2027	0	VC!I16949
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16925
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16925
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16925
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16925
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16925
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16925
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D16920
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E16920
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F16920
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G16920
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H16920
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I16920
EVFTA	2022	2022	1,8	EV-NK!D16940
EVFTA	2023	2023	1,5	EV-NK!E16940
EVFTA	2024	2024	1,1	EV-NK!F16940
EVFTA	2025	2025	0,7	EV-NK!G16940
EVFTA	2026	2026	0,3	EV-NK!H16940
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16940
UKVFTA	2022	2022	1,8	UKV!D16939
UKVFTA	2023	2023	1,5	UKV!E16939
UKVFTA	2024	2024	1,1	UKV!F16939
UKVFTA	2025	2025	0,7	UKV!G16939
UKVFTA	2026	2026	0,3	UKV!H16939
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16939

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17043
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17043
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17043
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17043
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17043
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17043
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17043
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D16910
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E16910
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F16910
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G16910
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H16910
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I16910
RCEP B	2022	2022	0	B!D16910
RCEP B	2023	2023	0	B!E16910
RCEP B	2024	2024	0	B!F16910
RCEP B	2025	2025	0	B!G16910
RCEP B	2026	2026	0	B!H16910
RCEP B	2027	2027	0	B!I16910
RCEP C	2022	2022	0	C!D16908
RCEP C	2023	2023	0	C!E16908
RCEP C	2024	2024	0	C!F16908
RCEP C	2025	2025	0	C!G16908
RCEP C	2026	2026	0	C!H16908
RCEP C	2027	2027	0	C!I16908
RCEP D	2022	2022	0	D!D16907

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E16907
RCEP D	2024	2024	0	D!F16907
RCEP D	2025	2025	0	D!G16907
RCEP D	2026	2026	0	D!H16907
RCEP D	2027	2027	0	D!I16907
RCEP E	2022	2022	0	E!D16911
RCEP E	2023	2023	0	E!E16911
RCEP E	2024	2024	0	E!F16911
RCEP E	2025	2025	0	E!G16911
RCEP E	2026	2026	0	E!H16911
RCEP E	2027	2027	0	E!I16911
RCEP F	2022	2022	0	F!D16910
RCEP F	2023	2023	0	F!E16910
RCEP F	2024	2024	0	F!F16910
RCEP F	2025	2025	0	F!G16910
RCEP F	2026	2026	0	F!H16910
RCEP F	2027	2027	0	F!I16910
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F15860
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G15860
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H15860
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I15860

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8709.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8709.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17583), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.